

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HẢI LĂNG
TỈNH QUẢNG TRỊ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2021/DS-ST

Ngày 26 - 8 - 2021

V/v “Đòi lại tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HẢI LĂNG, TỈNH QUẢNG TRỊ

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thanh Khánh

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Phạm Thị Tuyết.

Ông Phạm Quang.

Thư ký phiên tòa: Ông Trần Ánh Phương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Quảng Trị.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Phúc Minh - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 8 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Quảng Trị xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 01/2021/TLST-KDTM ngày 09 tháng 4 năm 2021 về việc “Đòi lại tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2021/QĐXXST-KDTM ngày 09 tháng 7 năm 2021 và Thông báo hoãn phiên tòa số 01/TB-TA ngày 28/7/2021 của Tòa án nhân dân huyện H, giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn:*** Bà Nguyễn Thị Anh Đ (Nguyễn Thị Đ), sinh năm 1955; địa chỉ: Số 323 Hùng Vương, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1981; địa chỉ: Số 331 Lê Duẩn, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị (Văn bản ủy quyền ngày 15/3/2021), có mặt.

- ***Bị đơn:*** Công ty TNHH xây dựng Th (Công ty Th); địa chỉ: Số 100 đường Trần Phú, thị trấn D, huyện H, tỉnh Quảng Trị. Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Quang Đ – Chức vụ: Giám đốc Công ty, có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông Lê Quang Đ, bà Phan Thị H; địa chỉ: Số 100 đường Trần Phú, thị trấn D, huyện H, tỉnh Quảng Trị. Người đại diện theo ủy quyền của bà Phan Thị H: Ông Lê Quang Đ; địa chỉ: Số 100 đường Trần Phú, thị trấn D, huyện H, tỉnh Quảng Trị, ông Đ có mặt, bà H vắng mặt.

- Bà Nguyễn Thị Tuyết M; địa chỉ: Số 109 đường Lê Lợi, phường Đ, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình tố tụng, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Do quen biết từ trước nên ngày 16/10/2015, Công ty TNHH xây dựng Th (Công ty Th) do ông Lê Quang Đ làm giám đốc vay của bà Nguyễn Thị Anh Đ (Nguyễn Thị Đ) số tiền 984.000.000đ (Chín trăm tám mươi bốn triệu đồng). Khi vay, hai bên thống nhất Công ty Th sẽ rút tiền từ Ngân hàng về trả ngay trong ngày cho bà Đ, các bên không tính tiền lãi. Tuy nhiên, đến nay Công ty Th vẫn không trả tiền như cam kết. Bà Nguyễn Thị Đ yêu cầu Tòa án buộc Công ty Th phải trả số tiền nợ gốc là 984.000.000đ (Chín trăm tám mươi bốn triệu đồng). Để chứng minh cho yêu cầu của mình, bà Nguyễn Thị Đ nộp cho Tòa án giấy vay tiền ngày 16/10/2015 thể hiện bên cho vay là bà Nguyễn Thị Đ, bên vay là Công ty Th.

Tại bản tự khai và lời khai trong quá trình tố tụng, bị đơn Công ty Th trình bày: Số tiền 984.000.000đ (Chín trăm tám mươi bốn triệu đồng) là tiền gốc và tiền lãi mà Công ty Th vay của ông Trần Văn Đ và bà Nguyễn Thị Tuyết M để phục vụ cho hoạt động kinh doanh của Công ty được thể hiện qua các lần vay tiền cụ thể như sau: Ngày 16/7/2021 vay 100.000.000đồng; ngày 15/6/2015 vay 300.000.000đồng; ngày 09/7/2015 vay 50.000.000đồng; ngày 07/7/2015 vay 300.000.000đồng; ngày 05/9/2015 vay 70.000.000đồng và tiền lãi của các khoản vay trên là 108.600.000đồng. Sau khi hai bên chốt lại số tiền Công ty Th vay của ông Đ, bà M thì hai bên làm lại một giấy vay mới để thay cho các giấy vay đã nói ở trên. Do ông Đ, bà M đang công tác trong ngành công an nên các bên thống nhất lập giấy vay tiền thể hiện bên cho vay là bà Nguyễn Thị Đ (là chị ruột của bà M) và bên vay là Công ty Th như giấy vay tiền bà Đ đã nộp kèm theo đơn khởi kiện. Thực tế, Công ty Th không có mối quan hệ gì với bà Đ. Ngày 04/02/2016, Công ty Th đã chuyển 1.500.000.000đ (một tỷ năm trăm triệu đồng) vào tài khoản của ông Đ để trả nợ cho ông Đ, bà M theo giấy vay tiền ngày 16/10/2015 và giấy vay tiền ngày 09/11/2015. Trước khi chuyển tiền, ông Đ có điện thoại cho bà M để xin số tài khoản của bà Đ để trả nợ, vì giấy vay tiền thể hiện bên cho vay là bà Nguyễn Thị Đ. Do cận Tết nguyên đán, đợi lâu quá không thấy bà M nhắn tin số tài khoản của bà Đ nên ông Đ đã chuyển tiền vào tài khoản của ông Đ chồng bà M. Sau khi chuyển tiền, ông Đ nhắn tin nhờ bà M nói với ông Đ rút tiền để trả lại cho bà Đ. Hiện nay, Công ty Th đã trả toàn bộ số tiền nợ cho ông Đ, bà M. Do đó, Công ty Th không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà Đ do Công ty không nợ tiền của bà Đ.

Để chứng minh cho ý kiến trình bày của mình là có căn cứ, Công ty Th cung cấp cho Tòa án Ủy nhiệm chi ngày 04/02/2016 với bên bên thụ hưởng là ông Trần Văn Đ và các giấy vay tiền giữa Công ty Th và ông Đ, bà M như đã trình bày ở trên.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Lê Quang Đ và bà Phan Thị H có ý kiến: Không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn vì Công ty Th không hề vay tiền của bà Đ.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị Tuyết M trình bày: Quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh, Công ty Th do ông Lê Quang Đ làm giám đốc đã nhiều lần vay tiền của ông Đ, bà M. Tất cả các lần vay đều viết biên nhận, sau khi thanh toán xong, ông Đ, bà M trả lại giấy biên nhận cho Công ty Th. Việc Công ty Th chuyển tiền vào tài khoản của ông Đ với số tiền 1.500.000.000đ (Một tỷ năm trăm triệu đồng) vào ngày 04/02/2016 là tiền Công ty Th trả nợ cho ông Đ, bà M theo các khoản vay trước đây; việc Công ty Th vay tiền của bà Nguyễn Thị Đ không liên quan đến ông Đ, bà M. Do đó, bà M không chấp nhận toàn bộ ý kiến trình bày của Công ty Th.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

- Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán được phân công thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định tại các Điều 26, 35, 39, 68, 97, 177, 195, 196, 203, 208, 220 của Bộ luật tố tụng dân sự, cụ thể: Xác định đúng tư cách pháp lý của người tham gia tố tụng; thực hiện việc tổng đạt các văn bản tố tụng đã tuân thủ quy định của pháp luật; về thời hạn thụ lý vụ án, thời hạn chuẩn bị xét xử và thực hiện việc chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát trước khi tham gia phiên tòa đúng với thời hạn.

- Về xác định quan hệ tranh chấp: Tại thời điểm thụ lý vụ án, Tòa án xác định đây là vụ án kinh doanh thương mại. Tuy nhiên, trước lúc mở phiên tòa, Hội đồng xét xử xác định lại đây là vụ án dân sự và quan hệ tranh chấp là “Đòi lại tài sản” là đúng với quy định của pháp luật.

- Về việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

- Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 70, 71, 72, 73, 227 và 234 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về hướng giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc Công ty TNHH xây dựng Th trả cho bà Nguyễn Thị Anh Đ (Nguyễn Thị Đ) số tiền 984.000.000đồng.

Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật, hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật: Tại thời điểm thụ lý vụ án, Tòa án xác định đây là vụ án kinh doanh thương mại. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án thấy rằng, tranh chấp giữa nguyên đơn và bị đơn không phải là tranh chấp

kinh doanh thương mại mà là tranh chấp dân sự nên Hội đồng xét xử xác định lại là vụ án dân sự. Tại giấy vay tiền thể hiện thời hạn trả nợ là ngày 16/10/2015, hết thời hạn trả nợ, các bên không thỏa thuận về việc gia hạn trả nợ nên thời điểm tính thời hiệu được xác định từ ngày 17/10/2015. Ngày 25/3/2021, bà Đ khởi kiện là quá 03 năm kể từ ngày quyền, lợi ích bị xâm phạm. Do đó, yêu cầu khởi kiện của bà Đ thuộc quan hệ tranh chấp “Đòi lại tài sản” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn là Công ty Th có địa chỉ tại: Quốc Lộ 1A, thị trấn D, huyện H, tỉnh Quảng Trị nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Quảng Trị theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3]. Về tư cách tham gia tố tụng và thủ tục tố tụng: Bà Nguyễn Thị Đ là người khởi kiện nên xác định là nguyên đơn; Công ty TNHH xây dựng Th là người bị kiện nên xác định là bị đơn; ông Lê Quang Đ, bà Phan Thị H, bà Nguyễn Thị Tuyết M không phải là người khởi kiện, người bị kiện. Tuy nhiên, việc giải quyết vụ án có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của những người này nên họ tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Căn cứ vào khoản 2, 3, 4 Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự. Ông Trần Văn Đ chết trước lúc Tòa án thụ lý vụ án nên Tòa án không đưa ông Đ vào tham gia tố tụng trong vụ án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị Tuyết M có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt bà M theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[4]. Về nội dung vụ án: Tại giấy vay nợ ngày 16/10/2015 do bà Nguyễn Thị Đ cung cấp thể hiện bên cho vay là bà Nguyễn Thị Đ, bên vay là Công ty Th với số tiền vay là 984.000.000đ (Chín trăm tám mươi bốn triệu đồng). Ông Lê Quang Đ – Giám đốc Công ty Th thừa nhận giấy vay nợ do chính tay ông Đ viết, ký tên, đóng dấu và phục phụ cho hoạt động của công ty nhưng không thừa nhận vay tiền của bà Đ mà chỉ thừa nhận có vay tiền của ông Đ, bà M nhưng đã thanh toán xong các khoản nợ. Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án, Công ty Th không đưa ra được các tài liệu, chứng cứ để chứng minh việc Công ty không vay tiền của bà Đ và việc giữa ông Đ, bà M, bà Đ có thỏa thuận để bà Đ đứng tên người cho vay thay ông Đ, bà M và cũng không chứng minh được việc Công ty Th đã trả xong khoản nợ ghi trong giấy vay nợ ngày 16/10/2015. Do đó, không có cơ sở chấp nhận ý kiến của Công ty Th. Vì vậy, buộc Công ty Th phải trả cho bà Đ số nợ gốc 984.000.000đ (Chín trăm tám mươi bốn triệu đồng) theo yêu cầu của bà Đ là có căn cứ.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn không yêu cầu bị đơn trả tiền lãi nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. Quá trình giải quyết vụ án, ông Đ có xuất trình các giấy tờ, hóa đơn chứng từ liên quan đến việc vay, trả nợ giữa Công ty Th và ông Đ, bà M. Tuy nhiên, việc Công ty Th vay của bà Nguyễn Thị Đ và Công ty Th vay của ông Đ, bà M là hai quan hệ khác nhau và không liên quan đến nhau. Nếu có tranh

chấp giữa Công ty Th và ông Đ, bà M thì các đương sự có quyền khởi kiện bằng vụ án khác.

[6]. Về án phí: Do toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên không phải chịu án phí và được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp. Buộc bị đơn phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 463, 470 Bộ luật Dân sự; khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, 68, 97, 177, 195, 196, 203, 208, 220, 227, 228, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị Đ (Nguyễn Thị Anh Đ) kiện đòi lại tài sản đối với Công ty TNHH xây dựng Th.

2. Buộc Công ty TNHH xây dựng Th phải trả cho bà Nguyễn Thị Đ (Nguyễn Thị Anh Đ) số tiền 984.000.000đ (Chín trăm tám mươi bốn triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp Cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

- Buộc Công ty TNHH xây dựng Th phải chịu 41.520.000 (Bốn mươi một triệu năm trăm hai mươi ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Hoàn lại cho bà Nguyễn Thị Đ (Nguyễn Thị Anh Đ) số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 20.760.000 (hai mươi triệu bảy trăm sáu mươi ngàn đồng) theo biên lai số 0002326 ngày 09/4/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn; bị đơn; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh Quảng Trị;
- VKS, THADS huyện H;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Thanh Khánh